

Số: 27/2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 13 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC, ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016, Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-

*BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng thông qua Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung một số điều Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng;*

*Xét Tờ trình số 649/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Nghị quyết này được áp dụng chung cho tất cả các vị trí phân theo Bảng giá đất hiện hành (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

b) Đối với các tuyến đường còn lại và các loại đất khác không quy định tại Phụ lục đính kèm thì áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất là 1,0.

c) Đối với các tuyến đường mới được hình thành, chưa có trong Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung một số điều Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng thì phải khảo sát, thu thập thông tin về giá đất phổ biến của tối thiểu 03 thửa đất đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong khoảng thời gian không quá 02 năm của khu vực mới hình thành tuyến đường đó (*nếu có*) hoặc khu vực lân cận có điều kiện tương tự về điều kiện tự nhiên, kinh tế -

xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội với khu vực mới hình thành tuyến đường để xác định giá đất cụ thể cho tuyến đường đó theo từng vị trí.

## **2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

b) Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **3. Các trường hợp áp dụng hệ số K**

Hệ số K là tỷ lệ giữa giá đất phổ biến trên thị trường so với giá đất do Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung một số điều Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

Hệ số K được áp dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành như sau:

a) Khi xác định giá trị của thửa đất hoặc khu đất theo mục đích sử dụng có giá trị (*tính theo giá đất trong Bảng giá đất*) dưới 10 tỷ đồng được áp dụng hệ số K để thực hiện:

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất.

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá.

- Xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai năm 2013.

- Xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013.

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Xác định tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

- Xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất; xác định giá khởi điểm đấu giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Trường hợp thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có lợi thế, khả năng sinh lợi thì căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị (*tính theo giá đất trong Bảng giá đất*) từ 10 tỷ đồng trở lên.

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (*không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản*);

d) Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

đ) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Trường hợp được gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định tại Điều i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013.

g) Trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư mà không thuộc đối tượng được gia hạn thời gian sử dụng đất hoặc thuộc đối tượng được gia hạn thời gian sử dụng đất nhưng không làm thủ tục để được gia hạn hoặc đã hết thời gian được gia hạn sử dụng đất theo quy định tại Điều i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013.

h) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau hoặc trường hợp tại khu vực thu hồi đất không đảm bảo yêu cầu về thông tin để áp dụng các phương pháp định giá đất khác.

i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### 4. Phương pháp xác định giá các loại đất theo hệ số K

Các trường hợp xác định giá đất cụ thể quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này, được xác định bằng giá đất theo mục đích sử dụng tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung một số điều Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng nhân với hệ số K quy định tại Điều 1 Nghị quyết này, cụ thể như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đất cụ thể tính} \\ \text{theo hệ số K} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá đất theo mục đích sử dụng} \\ \text{do HĐND tỉnh quy định trong} \\ \text{Bảng giá đất hiện hành} \end{array} \times \text{Hệ số K}$$

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 13 (*Chuyên đề*) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *Sh*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Đình Lê**



**Phụ lục I**

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LÂM**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**BẢNG 1: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
<b>I</b>	<b>Xã Trung Du</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Lý Bôn</b>	
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) đến ngã ba đầu cầu Quốc lộ 4C, ngã ba đường rẽ vào chợ đến hết Bưu điện văn hóa xã	1,1
	Đất thuộc khu vực trung tâm chợ xã Lý Bôn	1,1
	Đất mặt tiền từ Bưu điện văn hóa xã đến nhà ông Nông Văn Lực (hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 200) (bên xóm Nà Pông)	1,1
	Đất mặt tiền từ nhà bà Tô Thị Hương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 216) cột sóng Viettel đến cây xăng Lý Bôn	1,1
	Đất mặt tiền từ Cây xăng Lý Bôn đến hết địa phận xã Lý Bôn theo Quốc lộ 34	1,1
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Văn Thành (đến hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) - Pác Kín xóm Nà Pông	1,1
	Đất mặt tiền từ nhà ông Nông Văn Thành (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) đến ngã ba theo đường rẽ đi xã Vĩnh Phong đến hết địa giới hành chính xã Lý Bôn	1,1
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Lý Bôn (tờ bản đồ số 199) dọc theo Quốc lộ 4C (bên xóm Nà Mạt) đến hết địa phận xóm Nà Mạt theo quốc lộ 4C (đến hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 149)	1,1
	Đoạn đường ô tô đi lại được xung quanh trường cấp II, III Lý Bôn	1,1
	Đất mặt tiền từ dọc Quốc lộ 4C chạy qua các xóm Tổng Ác, Pác Rà, Khuổi Vin, đến đầu cầu Nà Tổng.	1,1
	Đất mặt tiền chạy từ ngã ba Quốc lộ 4C đến đường rẽ đi xóm Phiêng Pên (từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 200) đi qua các xóm Nà Mạt, Phiêng Pên, Phiêng Lùng, đến hết Phân trường Tiểu học Phiêng Dăm.	1,1
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4C qua đường rẽ xóm Pác Rà (từ thửa số đất 40, tờ bản đồ số 69) đến hết Trường Tiểu học Nà Khuông	1,1

ANG N

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4c (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 7) xóm Nà Tông, đến Nà Mầu, Đông Sang (hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 46)	1,1
	Đoạn từ ngã ba Pác Ruộc (từ thửa đất số 70, tờ bản đồ số 182) đi xã Đức Hạnh (đi các xóm Nà Mạt, Khuổi Bon) đến hết địa phận xã Lý Bôn	1,1
	Đoạn đường từ Nà Sài (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 182) đi Pác Ruộc đến đầu cầu treo xóm Nà Tôm bên xóm Pác Ruộc	1,1
<b>II</b>	<b>Xã Miền Núi</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Mông Ân</b>	
	Đất mặt tiền đoạn từ thị trấn Pác Miầu đến đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đi qua xóm Nà Bon (đến hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77)	1,1
	Đất mặt tiền đoạn từ đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đến cầu Nà Làng (đi qua xóm Nà Làng)	1,1
	Đất mặt tiền đoạn ngã ba đường rẽ nhà ông Sùng Văn Lồng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55) đến hết Trường tiểu học Lũng Vài (xóm Nà Bon)	1,1
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường đi xóm Nà Pồng vào đến nhà ông Hoàng Văn Thén (hết thửa đất số 130, tờ bản đồ số 136)	1,1
	Đất mặt tiền từ ngã ba xóm Đon Sài, Nà Pồng đến giáp xóm Khau Dề xã Thái Sơn	1,1
<b>2</b>	<b>Xã Vĩnh Phong</b>	
	Đất mặt tiền bắt đầu từ Quốc lộ 34 giáp ranh xã Lý Bôn đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong	1,1
	Đất mặt tiền từ xóm Bản Diêm (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 39) đến hết trường tiểu học xóm Lũng Trang	1,1
	Đất mặt tiền dọc theo đường từ UBND xã đến xóm Ớn Nội (từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 165)	1,1
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Ớn Ngoại đi trường tiểu học xóm Ớn Cỏ (từ thửa đất số 175, tờ bản đồ số 121 đến hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 184)	1,1
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Bản Diêm (từ thửa đất số 14, tờ bản đồ số 68) đến hết điểm trường tiểu học Nặm Tân thuộc xóm Phiêng Nặm.	1,1



ĐH

<b>3</b>	<b>Xã Vĩnh Quang</b>	
	Đoạn mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 từ ngã ba đường mới rẽ vào xã Vĩnh Quang về phía Bảo Lạc đến hết nhà ông Sầm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03), về phía Bảo Lâm đến hết nhà bà Liên Thị Nhâm (hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 03) (Nà Tốm)	1,1
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ lên trụ sở Ủy ban nhân dân đến hết Trạm Y tế xã và toàn bộ khu vực mặt tiền chợ xã.	1,1
	Đất mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Sầm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03) theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Vĩnh Quang (giáp huyện Bảo Lạc).	1,1
	Tuyến đường liên xóm Thiêng Nà, Cốc Tém, Nà Lầu (từ thửa đất số 48, tờ bản đồ 6 đến hết thửa đất số 130, tờ bản đồ số 100).	1,1
	Tuyến đường liên xóm Nà Ngà, Khuổi Rò, Nặm Lạn, Nà Hiên, Nặm Uôm (từ thửa đất số 204, tờ bản đồ số 109 đến hết thửa đất số 76, tờ bản đồ số 197).	1,1
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông - Nà Hù (từ thửa đất số 308, tờ bản đồ số 88 đến hết thửa đất số 236, tờ bản đồ số 88)	1,1
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông - xóm Phia Nà (từ thửa đất số 306, tờ bản đồ số 88 đến thửa đất số 90, tờ bản đồ số 103)	1,1
	Tuyến đường liên xóm Bản Cài - Nà Phiáo (từ thửa đất số 218, tờ bản đồ số 77 đến hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 134).	1,1
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông đi xóm Bản Cài (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 29 đến hết thửa đất số 293, tờ bản đồ số 88).	1,1
	Tuyến đường ngã ba Khau Sáng - Nặm Uôm thuộc xóm Nặm Uôm	1,1
<b>4</b>	<b>Xã Đức Hạnh</b>	
	Đất mặt tiền đường giao thông huyện lộ thuộc xóm Cốc Phung (từ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 115 đến hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 92)	1,1
	Tuyến đường huyện lộ giáp Bảo Toàn qua Xóm Cốc Lý đến xóm Cốc Phung (đến hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 115).	1,1
	Tuyến đường xóm Cốc Phung đi xóm Nà Sa đến xóm Chè Lý A (từ thửa đất số 93, tờ bản đồ số 92 đến hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 35)	1,1
	Tuyến đường xóm Cốc Phung qua xóm Nà Hu đến xóm Hát Han (từ thửa đất số 95, tờ bản đồ số 92 đến hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 48).	1,1
	Tuyến đường xóm Cốc Lý qua Cà Pên B, Cà Pên A (từ thửa đất số 36, tờ bản đồ 229 đến hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 237)	1,1
	Tuyến đường xóm Cốc Lý đến xóm Cà Đồng (từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 170 đến hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 166.)	1,1



ĐH

	Tuyến đường qua xóm Chè Lý A đến xóm Hát Han (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 35 đến hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 48.)	1,1
<b>5</b>	<b>Xã Yên Thổ</b>	
	Đất mặt tiền xung quanh khu chợ Bản Chang I (từ thửa đất số 08, tờ bản đồ số 162 đến ngã ba đường lên Ủy ban nhân dân xã)	1,1
	Đất dọc đường giao thông huyện lộ từ ranh giới xã Thái Học đến đầu xóm Bản Chang I (đến hết thửa đất số 614, tờ bản đồ số 143)	1,1
	Tuyến đường từ trung tâm xóm Lũng Cuối đi Chòm Xóm (từ thửa đất số 116, tờ bản đồ 138 đến hết thửa đất số 395, tờ bản đồ số 138)	1,1
	Tuyến đường liên xóm Bản Chang I - Bản Chang II - Nà Sài (từ thửa đất số 165, tờ bản đồ số 162 đến hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 235)	1,1
	Tuyến đường liên xóm Bản Vàng - Nà Sài (từ thửa đất số 296, tờ bản đồ số 179 đến hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 234)	1,1
	Tuyến đường liên xóm Khuổi Sáp - Khuổi Chuông (từ thửa đất số 38, tờ bản đồ số 197 đến hết thửa đất số 353, tờ bản đồ số 214)	1,1
<b>6</b>	<b>Xã Quảng Lâm</b>	
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông huyện lộ từ đầu cầu treo xã Quảng Lâm đến giáp ranh xã Thạch Lâm	1,1
	Đường giao thông nội Xóm Bản Nà (Từ ngã ba chân dốc Xóm Bản Nà nhà ông Dương Văn Tài (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 178) đến hết đoạn nhà ông Hoàng Văn Thành (thửa đất số 85, tờ bản đồ số 150) giáp nhà ông Hoàng Văn Đông	1,1
	Từ đầu cầu xã Quảng Lâm đi hết đoạn đường nhà ông Lân Văn Phong (hết thửa đất số 100, tờ bản đồ số 196).	1,1
	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Văn Lê (Bảo Sông) (từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 180) đi hết đoạn đường lên Khau Củng, xóm Phiêng Mường mà xe ô tô đi lại được (đến hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 194).	1,1
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đi xóm Tổng Chảo (từ thửa đất số 144, tờ bản đồ số 133 đến hết thửa đất số 782, tờ bản đồ số 61).	1,1
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát (Từ đường rẽ nhà ông Lục Tuyên Ngôn (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 133) xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát)	1,1
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm từ đầu cầu Pác Khuổi đến đầu cầu treo xóm Nặm Miđong	1,1



Sh

<b>7</b>	<b>Xã Nam Quang</b>	
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông thuộc xóm Tổng Phườn (từ thửa đất số 183, từ bản đồ số 88 đến hết thửa đất số 392 từ bản đồ số 52)	1,1
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nam Quang - xóm Đon Sài (hết thửa đất số 12, từ bản đồ số 04) (Trừ đoạn đi qua xóm Tổng Phườn) mà ô tô đi lại được	1,1
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nam Quang - hết đất nhà trường Pác Ròm	1,1
	Đất mặt tiền từ xóm Tổng Phườn (từ thửa đất số 184 từ bản đồ số 88) - Nặm Ròm (đến hết thửa đất số 182, từ bản đồ số 22)	1,1
	<b>Đoạn đường thuộc xã Tân Việt cũ</b>	
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nà Đẳng đến xóm Khuổi Hẩu (hết thửa đất số 35, từ bản đồ số 66)	1,1
<b>8</b>	<b>Xã Thạch Lâm</b>	
	Đất mặt tiền xung quanh chợ Bản Luây	1,1
	Tuyến đường từ đầu cầu cứng gần nhà ông Dương Văn Sơn (thửa đất số 60, từ bản đồ số 227) - xóm Tổng Dùn qua UBND xã đến đầu cầu cứng xóm Sác Ngà	1,1
	Tuyến đường từ ngã ba Sác Ngà (thửa đất số 92, từ bản đồ 109) đi đến hết xóm Khau Noong (hết thửa đất số 133, từ bản đồ số 70)	1,1
	Tuyến đường từ ngã ba đầu cầu chợ Bản Luây đi đến xóm Cốc Páp (hết thửa đất số 01, từ bản đồ số 161)	1,1
<b>9</b>	<b>Xã Thái Sơn</b>	
	Đoạn đường từ đầu cầu cứng gần chợ (Từ thửa đất số 318, từ bản đồ số 66) đến UBND xã Thái Sơn	1,1
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Thái Học đến đầu cầu cứng gần chợ	1,1
	Đoạn đường từ UBND xã Thái Sơn đến Trường THCS Thái Sơn	1,1
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi Nà Bả (trong xóm Nặm Trà) (từ thửa đất số 246, từ bản đồ số 98) theo đường đi trường tiểu học Lũng Trang đến hết địa giới hành chính xã Thái Sơn.	1,1
	Từ ngã ba Nà Nàng (từ thửa đất số 1, từ bản đồ số 97) đi đến hết điểm trường Nà Bó	1,1
	Đoạn đường từ Trường Tiểu học Khau Dề tới xóm Bản Lìn (hết thửa đất số 39, từ bản đồ số 64)	1,1
	Tuyến đường liên xóm Nặm Trà - Nà Bả (Từ thửa đất số 22, từ bản đồ số 100 đến hết thửa đất số 151, từ bản đồ số 89)	1,1

	Đoạn đường từ ngã ba gần Trường THCS Thái Sơn theo đường đi xóm Nà Nàng (từ thửa đất số 80, tờ bản đồ số 98) tới xóm Nà Lồm (đến hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 141)	1,1
<b>10</b>	<b>Xã Nam Cao</b>	
	Đoạn từ trường THCS Nam Cao đến dọc đường trung tâm chợ Phìa Cọ (từ thửa đất số 89 đến hết thửa đất số 25, tờ bản đồ 137)	1,1
	Tuyến đường Phìa Cọ - Bản Cao - Nà Mon (từ thửa đất số 25, tờ bản đồ 137) đi xã Ngọc Long thuộc tỉnh Hà Giang.	1,1
	Tuyến đường Phìa Cọ đi 2 xóm Bản Bung - Phìa Cò (thửa đất số 25, tờ bản đồ 137 đến thửa đất số 113, tờ bản đồ 174)	1,1
	Tuyến đường từ xóm Bản Bung (thửa đất số 6, tờ bản đồ 174) đi đến địa giới hành chính xóm Nà Nhuộm thuộc xã quản lý	1,1
	Tuyến đường từ xóm Phìa Cọ đi 2 xóm Đoàn Kết - Nặm Đang (từ thửa đất số 25, tờ bản đồ 137 đến hết thửa đất số 23, tờ bản đồ 9)	1,1
<b>11</b>	<b>Xã Thái Học</b>	
	Đất mặt tiền từ trường Bán trú đến đầu cầu đi Yên Thỏ	1,1
	Đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ.	1,1
	Đất mặt tiền từ ngã ba giáp nhà ông Vũ Ngọc Pha (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 92) theo đường đi xã Thái Sơn đến đường rẽ lên trụ sở UBND xã Thái Học	1,1
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Pó (từ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36) đến Trường Bán trú Thái Học.	1,1
	Đất mặt tiền đường giao thông Bản Bó (từ thửa đất số 206, tờ bản đồ số 92) đi xã Thái Sơn đến hết địa giới xã Thái Học	1,1

H  
C  
A  
O

9/11

**BẢNG 2: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	<b>Thị Trấn Pác Miầu</b>	
<b>1</b>	<b>Đường phố loại III</b>	
	Đoạn đường từ ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến - thửa đất số 74, tờ bản đồ số 147) đến hết đất của Kho bạc Nhà nước;	1,2
	Đoạn đường từ Kho Bạc Nhà nước đến ngã ba đường rẽ lên UBND huyện (đến hết thửa đất số 59, tờ bản đồ số 136).	1,2
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ nông sản	1,15
<b>2</b>	<b>Đường phố loại IV</b>	
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ lên UBND huyện (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 141) đến công chào Khu 4	1,15
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến - thửa đất số 74, tờ bản đồ số 147) lên chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (đến hết thửa đất số 100, tờ bản đồ số 153)	1,1
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến - thửa đất số 74, tờ bản đồ số 147) theo Quốc lộ 34 đi tỉnh Hà Giang đến công chào khu 2	1,1
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ lên ủy ban nhân dân huyện đến đường đi khu Loông Khinh (từ thửa đất số 51, tờ bản đồ số 136 đến hết thửa đất số 16, tờ bản đồ số 137)	1,1
<b>3</b>	<b>Đường phố loại V</b>	
	Đoạn đường từ chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (tiếp đất nhà bà sầm Thị Tươi - thửa đất số 115, tờ bản đồ số 153) đến ngã ba đường đi xã Mông ân đi tiếp vào trường Nội trú.	1,1
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Mông Ân đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1) (từ thửa đất số 47, tờ bản đồ số 154 đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1)	1,1
	Đoạn đường từ nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96) đi đến hết công sau Công ty CKC	1,1
	Đoạn đường giao thông đi xóm Mạ Rại bắt đầu từ ngã ba rẽ vào khu tập thể UBND huyện (thường gọi là khu tập thể Mạ Rại) đến trung tâm xóm Mạ Rại (đến hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 40)	1,1
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi xóm Phiêng Phay, đến trung tâm xóm Phiêng Phay (từ thửa đất số 36, tờ bản đồ số 69 đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 102).	1,1



  
 Th

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	Đoạn đường từ công chào Khu 4 theo Quốc lộ 34 đi xóm Nà Ca, tới trung tâm xóm Nà Ca (hết thửa đất số 66, tờ bản đồ số 09)	1,1
	Đoạn từ trung tâm xóm Nà Ca theo Quốc lộ 34 (hướng đi Bảo Lạc) (từ thửa đất số 07, tờ bản đồ số 09) đến hết địa giới hành chính của thị trấn (giáp xã Lý Bôn)	1,1
	Đoạn đường từ công chào khu 2 theo Quốc Lộ 34 hướng đi Hà Giang đến hết đất nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96)	1,1
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 61) đến hết địa giới thị trấn Pác Miầu (giáp xã Mông Ân)	1,1
	Đoạn đường từ công sau Công ty CKC (từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 126) đến giáp ranh xã Thái Học	1,1
	Đất khu tái Định cư Pác Bang (từ thửa đất số 09, tờ bản đồ số 42 đến hết thửa đất số 157, tờ bản đồ số 48)	1,1
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ vào mỏ nước đến nhà ông Bàn Văn Đức (từ thửa đất số 28, tờ bản đồ số 152 đến hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 153)	1,1
	Đất mặt tiền rẽ vào khu Loòng Giàng đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Quyết (từ thửa đất số 48, tờ bản đồ số 153 đến hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 154)	1,1
	Đất mặt tiền từ đường rẽ xuống sân vận động đến ngã rẽ đi xóm Bản Mỏ (hết thửa đất số 06, tờ bản đồ số 72)	1,1



Ch



**Phụ lục II**

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**BẢNG 1: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
<b>I</b>	<b>Xã Trung du</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Ngọc Đào</b>	
	<b>Các đoạn đường thuộc xã Đào Ngạn cũ</b>	
	Đoạn từ đỉnh dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (hết thửa đất số 135, tờ bản đồ số 9) (xóm Đào Bắc)	1,1
	<b>Các đoạn đường thuộc xã Phù Ngọc cũ</b>	
	Từ đường Hồ Chí Minh theo đường vào công trường Trung học Phổ thông Nà Giàng đến công trường	1,1
	Từ trục đường chính Hồ Chí Minh rẽ vào chợ và xung quanh chợ	1,1
	Từ cống nước (cua Cốc Đức) theo trục đường Hồ Chí Minh lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hòa (dốc Kéo Mạ)	1,1
<b>2</b>	<b>Xã Trường Hà</b>	
	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến nhà ông Hoàng Văn Duy (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15, khu vực Bó Bầm)	1,1
	Từ sân Bảo tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó	1,1
	Đoạn đường Nà Piài xóm Bản Hoong từ đầu nhà ông Bé Văn Sóng (thửa đất số 528, tờ bản đồ số 37) đến giáp biển báo đường vành đai biên giới	1,1
	<b>Các đoạn đường thuộc xã Nà Sác cũ</b>	
	Đoạn đường từ ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Nà Sác cũ đến ngã ba Ngâm Sinh	1,1
<b>3</b>	<b>Xã Sóc Hà</b>	
	Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) đến trạm liên hợp cửa khẩu	1,1
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26) theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Trường Hà	1,1



STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	Đoạn đường từ đường rẽ vào cầu Cốc Vương theo đường 203 cũ đến hết đất trường mẫu giáo xã	1,1
	Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà mầm non của xã	1,1
	Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào ( <i>cầu Pháp cũ</i> ) xóm Nà Nghiêng	1,1
	Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Sóc Hà ( <i>giáp xã Trường Hà</i> )	1,1
<b>4</b>	<b>Xã Lương Can</b>	
	Đoạn đường từ đường rẽ vào xóm Nà Sai cũ thuộc xóm Kim Đồng theo đường Lương Can - Trương Lương đến Pác Kéo xóm Dẻ Vai.	1,1
<b>II</b>	<b>Xã Miền Núi</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Tổng Cọt</b>	
	Đoạn từ chợ Trâu bò ( <i>ngã ba rẽ vào Trường trung học cơ sở Tổng Cọt</i> ) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và xung quanh chợ	1,1
	Đoạn từ chợ Trâu bò xuống đến hết Trường tiểu học	1,1
	Đoạn từ trường tiểu học theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cọt giáp xã Cô Mười ( <i>huyện Trùng Khánh</i> )	1,1
	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cọt	1,1
	Đường giao thông nông thôn Kéo Sỹ, Lũng Rỳ, Kéo Nhân, Lũng Giồng, Ngừm Luông	1,1
<b>2</b>	<b>Xã Lũng Nặm</b>	
	Từ chân dốc Lũng Đá theo Quốc lộ 4A đến trạm ngắt điện Bó Thon	1,1
	Từ ngã ba Bó Ngán đến ngã ba nhà văn hóa xóm Nặm Sấn ( <i>Nặm Những Bản cũ</i> ) - Thín Tảng.	1,1
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Nhảo đến hết cống thoát nước gần nhà ông Hoàng Văn Đo ( <i>thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10</i> )	1,1
	Từ Hùm Lũng Đá đến hết địa phận xã Lũng Nặm ( <i>cũ</i> ) giáp xã Kéo Yên ( <i>cũ</i> ).	1,1
	Đoạn từ Nặm Thuôm đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Cải Viên	1,1
	Đoạn từ đường rẽ xuống xóm Tổng Pỏ đến hết địa phận xã Lũng Nặm	1,1
<b>3</b>	<b>Xã Quý Quân</b>	
	Từ đầu địa phận xóm Bản Láp đến cầu Lão Lường	1,1

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò (cũ) thuộc xóm Nà Pò	1,1
	Từ Trạm Y tế xã qua xóm Nà Pò đến Kéo Co Pheo (giáp thị trấn Xuân Hòa)	1,1
<b>4</b>	<b>Xã Thượng Thôn</b>	
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến giáp đỉnh dốc Lũng Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã	1,1
	Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nặm Giặt đi hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Hồng Sỹ	1,1
	Đoạn đường từ đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ đi xóm Cả Giang đến phân trường Tiểu học xóm Cả Giang	1,1
	Đường rẽ liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ vào xóm Nặm Giặt đến nhà ông Liêu Văn Thi (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 82)	1,1
<b>5</b>	<b>Xã Nội Thôn</b>	
	Đoạn từ Kéo Lác Mạ theo Quốc lộ 4A đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỳ (hết thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì)	1,1
	Theo Quốc lộ 4A từ Kéo Lác Mạ đến hết xóm Lũng Rại	1,1
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến Lũng Púng - nhà văn hóa xóm Lũng Chuồng	1,1
	Đoạn từ nhà Văn Hóa xóm Lũng Chuồng đến nhà văn hóa xóm Làng Lý	1,1
<b>6</b>	<b>Xã Cải Viên</b>	
	Đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dốc Nặm	1,1
	Đoạn đường từ làng Dốc Nặm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên - xã Vân An cũ	1,1
	Đoạn từ đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.	1,1
	Đoạn từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Nội Thôn	1,1



*Đ/v*



<b>11</b>	<b>Xã Thanh Long</b>	
	Khu vực đất xung quanh chợ	1,1
	Đoạn đường từ chân dốc Bản Đâu, xóm Tấp Ná đến Kéo Chả	1,1
	Đoạn đường từ ngã ba Gòi Phát theo đường đi xã Triệu Nguyên đến hết địa phận xã Thanh Long ( <i>giáp xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình</i> ).	1,1
	Đoạn đường từ Cốc Gạch đi Yên Sơn đến hết địa phận xã Thanh Long	1,1
<b>12</b>	<b>Xã Cần Yên</b>	
	Khu vực đất xung quanh chợ	1,1
	Từ mốc lộ giới xã Cần Yên đến mốc 626	1,1
	<b>Các đoạn đường thuộc xã Vị Quang cũ</b>	
	Đoạn đường từ ngã ba đường liên huyện đến trạm Y tế xã Vị Quang cũ	1,1
	Đoạn từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Cần Yên đến hết địa phận xã Vị Quang cũ ( <i>giáp xã Cần Yên cũ</i> ).	1,1
	Đoạn đường từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Sóc Hà đến hết địa phận xã Cần Yên	1,1
<b>13</b>	<b>Xã Ngọc Động</b>	
	Đoạn đường từ chân dốc Lũng Pằng theo đường đi UBND xã đến hết xóm Tàn Tó cũ, thuộc xóm Hòa Chung	1,1
	Đoạn đường từ nhà bà Lăng Thị Hà ( <i>thừa đất số 2, tờ bản đồ số 112</i> ) theo đường đi xã Thanh Long đến đường rẽ vào Trường Tiểu học Lũng Nhùng	1,1
<b>14</b>	<b>Xã Yên Sơn</b>	
	Đoạn từ ngã ba Cốc Rầy đến đường rẽ vào trường mầm non xóm Chọc Mòn 236 thuộc xóm Bình Minh	1,1
	Đoạn đường từ ngã ba Cốc Rầy đi xóm Phia Khao đến hết địa phận xã Yên Sơn	1,1
<b>15</b>	<b>Xã Cần Nông</b>	
	Tuyến đường giáp xã Cần Yên theo Quốc lộ 4A đi hết địa phận xã Cần Nông ( <i>giáp xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc</i> )	1,1



*Off*

**BẢNG 2: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
<b>I</b>	<b>Thị trấn Xuân Hòa</b>	
<b>1</b>	<b>Đường phố loại II</b>	
	Đoạn đường ngã ba tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường Xuân Hòa - Vân Dính đến hết tường rào Huyện ủy	1,2
	Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh đến cầu Nậm Nhãn	1,2
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện đến nhà ông Hoàng Văn Giám ( <i>thừa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5</i> ) và xung quanh chợ	1,2
<b>2</b>	<b>Đường phố loại III</b>	
	Đoạn từ đầu cầu Nậm Nhãn ( <i>xóm Nà Vạc</i> ) theo trục đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà mẫu giáo xóm Đôn Chương	1,2
	Đường liên xã Xuân Hoà - Ngọc Đào, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn ( <i>hết thừa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5</i> )	1,2
	Đoạn ngã ba nối vào đường Hồ Chí Minh rẽ vào sân vận động huyện Hà Quảng	1,2
<b>3</b>	<b>Đường phố loại IV</b>	
	Đường Xuân Hoà - Ngọc Đào: Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Phương Quốc Tuấn ( <i>thừa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5</i> ) đến cầu Hoàng Rê;	1,2
	Đoạn đường từ Trường mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà ( <i>giáp xã Trường Hà</i> ).	1,2
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hoà - Ngọc Đào rẽ vào bệnh viện đa khoa huyện ( <i>đường bê tông</i> ).	1,2
<b>4</b>	<b>Đường phố loại V</b>	
	Đoạn đường từ Trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà ( <i>giáp xã Ngọc Đào</i> );	1,2
	Đường Xuân Hoà - Ngọc Đào: Đoạn đường từ cầu Hoàng Rê đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà;	1,2
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hoà - Ngọc Đào rẽ vào bãi rác hết địa phận thị trấn Xuân Hoà ( <i>giáp xã Quý Quân</i> )	1,2

9 N

Qh